**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TUY PHƯỚC**
**TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/DS -ST
Ngày 06-6-2017
*V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH**
***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nghĩa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Màu
2. Ông Phạm Thành Nghĩa

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Tiến – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Binh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 694/2017/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Trần Thị V, sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu vực P, phường N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

*2. Bị đơn*: - Chị Lê Thị Hoàng A, sinh năm 1981

- Bà Phạm Thị Minh C, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu vực P, phường N, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Bà V, ông L có mặt; chị A, bà C có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà V trình bày:

Giữa bà với chị A và bà C là những người ở cùng xóm nên quen biết nhau. Ngày 08 tháng 10 năm 2016 âm lịch, chị A có đến nhà bà hỏi mượn số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) để về lo cho gia đình và đóng tiền học cho con và hẹn một tuần sau chị A sẽ hoàn trả lãi số tiền trên cho bà. Hai bên còn thỏa thuận lãi suất bằng lời nói 700.000 đồng/tháng, chị A giao cho bà chiếc xe máy hiệu Vision, biển số 77G1-300.03 để giữ làm tin, chị A ký vào giấy mượn tiền và đã nhận đủ số tiền trên. Đến ngày 29 tháng 12 năm 2016 âm lịch, mẹ của chị A là bà C đến nhà bà nói với bà là chị A đã dùng chiếc xe của bà C để thế chấp vay tiền, rồi bà C trả cho bà hai tháng tiền lãi là 1.400.000 đồng để lấy xe về. Sau đó chị A viết lại giấy mượn tiền hẹn ngày mùng 10 tháng 01 năm 2017 âm lịch sẽ trả nợ cho bà, nhưng đến nay chị A vẫn không trả. Vì vậy bà khởi kiện, yêu cầu chị A và bà C phải trả cho bà số tiền nợ 12.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tại Bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2017, bị đơn chị A trình bày: Chị công nhận chị có mượn của bà V số tiền 12.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 1.200.000 đồng/ tháng. Hàng tháng chị đều trả lãi đều đặn cho bà V đến ngày 09 tháng 01 nằm 2017 âm lịch. Nay bà V khởi kiện đòi số tiền nói trên thì chị xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng.

Tại Biên bản ghi lời khai của đương sự ngày 19 tháng 4 năm 2017, bị đơn bà C trình bày: Bà và bà V là những người ở cùng xóm với nhau. Việc bà V cho con bà là chị A mượn số tiền 12.000.000 đồng thì bà không hề biết, chỉ khi bà V buộc con bà phải trả nợ, nên con bà lấy chiếc xe máy hiệu Vision, biển số 77G1-300.03 của bà thế chấp cho bà V nên bà mới biết và bà đã trả thay cho con bà 4.100.000 đồng tiền lãi để lấy xe về. Nay bà V lại khởi kiện yêu cầu bà và con bà trả số nợ 12.000.000 đồng thì bà không đồng ý trả. Vì việc mượn tiền là của con bà, bà không biết và không liên quan.

Tại Bản tự khai ngày 19 tháng 4 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng phía với nguyên đơn là ông L trình bày: Ông là chồng của bà V, ông thống nhất với lời trình bày của bà V. Tại phiên tòa, ông yêu cầu chị A và bà C phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ 12.000.000 đồng. Ông không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, buộc chị A có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho 12.000.000 đồng cho vợ chồng bà V, ông L.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", có bị đơn đang cư trú tại thôn P, xã P, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Bị đơn là Chị A và bà C vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị A và bà C.

* Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có cùng yêu cầu với nguyên đơn ông L yêu cầu chị A và bà C có nghĩa vụ trả số nợ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào các Giấy mượn tiền do nguyên đơn xuất trình và lời trình bày của bị đơn thừa nhận có mượn của nguyên đơn số tiền 12.000.000 đồng. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận việc chị A mượn của bà V số tiền 12.000.000 đồng là có thật. Do đó yêu cầu của bà V, ông L đối với chị A là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự, nên được chấp nhận [1].

Đối với yêu cầu của bà V, ông L với bà C, Hội đồng xét xử thấy việc mượn tiền do chị A đứng ra mượn, được thể hiện tại chứng cứ là giấy mượn tiền do người mượn tiền là chị A ký tên, bà C không tham gia vào giao dịch dân sự này. Bà C chỉ là người trả thay tiền lãi cho con mình khi phát hiện việc chị Anh đã dùng chiếc xe

của mình thế chấp cho bà V, đây là sự tự nguyện của bà, chứ không phải nghĩa vụ bà phải thực hiện cho giao dịch vay mượn trên. Tại phiên tòa, bà V, ông L cùng thống nhất giao dịch vay mượn số tiền 12.000.000 đồng nói trên không có bút tích, giấy tờ nào chứng minh bà C có tham gia vào giao dịch này. Vì vậy không có căn cứ buộc bà C có nghĩa vụ cùng trả số nợ 12.000.000 đồng do chị A mượn của bà Vân [2].

Xét lời nại của bị đơn chị A xin được trả dần số nợ trên mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Yêu cầu này không được bà V, ông L đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận [3].

Xét về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu 600.000 (12.000.000 x 5% = 600.000) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại cho bà V số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lại thu tiền số 0002228 ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Buộc chị A phải trả cho vợ chồng bà V, ông L số nợ 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị A phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước

- Hoàn lại cho bà V số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002228 ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Phòng KT TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Văn Nghĩa**